TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04- 4- 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Hoàng Bá** – Phó Chủ tịch MTTQ huyện Vĩnh Thạnh.

2. Bà **Trần Thị Nguyệt Quế -** Nguyên cán bộ đoàn huyện Vĩnh Thạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thạch**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ *tham gia phiên toà:* Ông **Nguyễn Tiến Lễ** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXX- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Võ Văn N**, sinh ngày 28/6/1976. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích T**, sinh ngày 01/01/1973. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã L, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Văn N trình bày và yêu cầu: Ông và bà Nguyễn Thị Bích T là do quen biết, có thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ vào ngày 25/7/2009. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân là kinh tế gia đình thời điểm làm mua bán lúa bà T đã ôm hết số tiền đi mà không có sự đồng ý của ông dẫn đến cả hai đã cự cãi rất nhiều lần và do bà T không tin tưởng ông ghen tuông vô lý, nói chuyện xúc phạm đến danh dự của ông và quan điểm sống của cả hai luôn bất đồng, không có tiếng nói chung nên ông và

bà T đã sống ly thân hơn 6 năm nay, ai cũng đã có cuộc sống riêng. Nay ông nhận thấy không còn tình cảm với bà T nên yêu cầu ly hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung là Võ Thị Thúy A, sinh ngày 26/11/1994 và Nguyễn Hữu K, sinh ngày 03/5/2005 hiện cháu A đã trưởng thành, còn cháu K ông đồng ý giao cho bà T nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T quá trình giải quyết vụ án trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quá trình diễn biến cuộc sống hôn nhân nhưng nguyên nhân mâu thuẫn mà ông N trình bày là không đúng, lỗi xuất phát từ ông N có người phụ nữ khác bên ngoài nên không quan tâm chăm lo cho gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi theo người phụ nữ khác nhưng vì còn thương ông và các con nên bà cố gắng chịu đựng và luôn mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng nhau nuôi dạy các con nên qua yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông N thì bà không đồng ý. Về con chung cháu An đã trưởng thành bà không yêu cầu giải quyết, đối với cháu K trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N thì bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nếu có tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ Võ Thị Thúy An và Nguyễn Hữu K trình bày: Hai cháu là con của ông N và bà T, cha mẹ ly hôn cả hai không ý kiến. Riêng cháu K có nguyện vọng sống với mẹ, không yêu cầu cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông N được ly hôn với bà T. Về con chung: Cháu Võ Thị Thúy An đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết, riêng cháu K giao cho bà T nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông N yêu cầu ly hôn với bà T nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp ly hôn. Bị đơn bà T có nơi cư trú tại ấp Thạnh Quới 2, xã Thạnh Lộc, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà T có đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 9

của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của ông N thì thấy rằng cuộc sống hôn nhân của ông và bà T không được hạnh phúc vì đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ trước năm 2017 cho đến nay. Mặc dù, còn sống chung nhà nhưng cả hai đều đã có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau, không có biện pháp cũng như mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, chủ yếu là về tiền bạc bà cả hai không thẳng thắng trao đổi với nhau, không có sự thống nhất tiếng nói chung, bà T cũng không tin tưởng ông N về mặc tình cảm và cho rằng ông N có tình cảm với người phụ nữ khác. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc hôn nhân giữa ông N và bà T đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho ông N được ly hôn với bà T quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình là có cơ sở.

[3] Về con chung: Ông N và bà T có 02 con chung là Võ Thị Thúy An, sinh ngày 26/11/1994 và Nguyễn Hữu K, sinh ngày 03/5/2005 hiện cháu An đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với cháu K thì ông N và bà T thống nhất giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng và cũng là nguyện vọng của cháu K. Do đó, để tạo điều kiện trong sinh hoạt, học tập và ổn định tâm lý cho cháu nên cần chấp nhận yêu cầu giao cháu K cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình là phù hợp.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét quá trình giải quyết vụ án bà T và ông N thống nhất thỏa thuận ông N không phải cấp dưỡng con nên Hội đồng xét xử không buộc ông N phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Ông N và bà T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết. Trường hợp không thỏa thuận được thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 0/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Võ Văn N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T.

2. Về con chung: Có 02 người con chung là Võ Thị Thúy A, sinh ngày 26/11/1994 và Giao cháu Nguyễn Hữu K, sinh ngày 03/5/2005 cho bà T nuôi dưỡng đến khi cháu K đủ 18 tuổi, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Võ Thị Thúy A, sinh ngày 26/11/1994 đã thành niên, đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả lao động nên không xem xét giải quyết.

Ông Võ Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người nuôi con.

3. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nếu phát sinh tranh chấp các đương sự sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về án phí: Ông Võ Văn N phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006598 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Công nhận ông Võ Văn N đã nộp và chi xong.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7bvà 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Ánh Đào